



- **Galilée.** Galileo Galilei
(1564 -1642)

Tên Ý là Galileo Galilei. Ông là một trong những nhà sáng lập phương pháp thực nghiệm. Ông khám phá ra tính đồng thời của các dao động của đồng hồ, các định luật của sự rơi các vật, tìm ra nguyên lý quán tính và các hợp lực của các sự chuyển động. Ông hình thành cái nhiệt kế và tại Vanise năm 1609, ông tạo ra cái thiên lý kính đầu tiên, nhờ đó, ông khám phá ra những bình động của mặt trăng. Những quan sát của ông đem ông về với hệ thống thế giới đề nghị bởi Copernic*. Tòa Thánh La Mã đã xem lý thuyết này như là phản lại Kinh Thánh*, Galiléo bị buộc không được truyền bá ra nữa, và phải hứa làm như người ta bảo. Nhưng khi trở về Florence, ông kết hợp trong một cuốn sách (1632) tất cả các thực nghiệm của cái chân lý* hệ thống đó. Ông tuyên bố rằng mặt trời chứ không phải quả đất là trung tâm của Thái dương hệ và mặt đất quay chung quanh mặt trời cũng như các hành tinh đã phản chiếu ánh sáng của nó. Cuốn sách này cũng lại bị tố cáo trước tòa án La Mã và Galiléo đã 70 tuổi đã phải quy xuống thề vì tội ông trước pháp đình (1633). Sau sự thề đó, cũng lý do ông tránh khỏi bị đưa lên giàn hỏa, ông luôn luôn bị giam giữ một phần và bị tòa án La Mã quản

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

thức chặt chẽ. Lịch sử có ghi, cả bằng những bức hình họa danh tiếng rằng sau khi thề, Galiléo, bàn tay đặt lên Kinh Thánh cùng lúc ông giậm chân lên đất vừa kêu lên: "*E pur si muove !*" (Và dù vậy, nó vẫn quay!). Tác phẩm mang tên Đối Thoại về Hai Hệ Thống Lớn của Thế Giới được soạn thảo năm 1632 tại Florence. Galiléo đem đến La Mã với dự định xuất bản và đã được phép của các chức sắc* phụ trách cho in, nhưng sau đó liền bị cấm. Nội dung câu chuyện đàm thoại giữa ba người bạn: Salviati, Sagrédo (*vốn là bạn thân của Galiléo*) và Simplicio (*người bạn tưởng tượng*). Họ đàm thoại với nhau trong bốn ngày liền: ngày đầu nói về sự khám phá mới của Copernic đã phá thuyết thế giới bất động của Aristote*, ngày thứ hai họ nói về sự chuyển động của quả đất theo thuyết Képler, ngày thứ ba họ nói về những vì sao mới xuất hiện và sự vận hành của năm, chống lại thuyết của Ptolémée, ngày thứ tư họ bàn về nước thủy triều lên xuống theo họ là do sự chuyển động của quả đất bởi tốc độ khi cao khi thấp, chống lại thuyết Képler cho đó là do sức hút của mặt trăng... Tháng 8 năm 1632, có lệnh cấm không được bán sách này, đến tháng 10 năm 1632 Galiléo bị tòa án La Mã áp tải và xử thề như đã kể trên. Cũng nên biết tại sao lại có bản án lịch sử có một không hai này? Quyển sách dưới dạng đối thoại đưa ra một khám phá mới về khoa học* vũ trụ còn giá trị chân lý vĩnh cửu, đồng thời còn đưa ra một quan niệm mới về vũ trụ và con người. Cho đến thời điểm này, sự hiểu biết của thế giới đã được thành lập một phần trên những lời thánh điển đạt trong Kinh Thánh đọc quyền về chân lý của Chúa, phần khác do người lương tin theo Aristote, hai luận thuyết này liên kết lại thành Kinh Viện học* chủ trì cả thời Trung Cổ đánh dấu cùng một chủ nghĩa tín điều độc đoán theo đó vũ trụ phụ thuộc vào hai thái cực: Chúa Trời thì bao gồm hết vũ trụ và con người thì bị tội lỗi và còn là trung tâm mọi sinh hoạt, mặt đất thì bằng phẳng như cái đĩa mà Jérusalem* là trung tâm của nó. Do đó, cả hai cùng lên án sự khám phá mới của Copernic-Galilée vì như thế vũ trụ đã mang bộ mặt mới do con người khám phá ra chứ không phải con người bị động vì thành kiến kinh điển như xưa. Vụ án này cho thấy tính phạm hóa của kinh điển cự giáo* bằng những huyền thoại rõ rệt mà cho dù Chúa hay Phật cũng

Đồng Tân

không tránh khỏi bởi tính chủ quan của họ. Nhưng ác nghiệt thay: Galiléo đã chết trong mù loà! Trong những năm cuối cùng của đời ông, hai lần nói chuyện với người bạn năm 1638, ông phân trần: "Bầu trời này, thế giới này, vũ trụ này, bởi những quan sát màu nhiệm và những bằng chứng rõ rệt, tôi đã thổi phồng lớn gấp trăm ngàn lần quá xa với những gì mà các nhà bác học trước đó đã tin tưởng, bây giờ với tôi đã trở thành quá hạn hẹp và quá bé tí đến nỗi nó không trải ra ngoài khoảng không gian mà con người tôi đã choán lấy...!". Thật định mệnh quá khắt khe, những người có khả năng xuất chúng đã biết được những điều mà các ông thánh sống kia mù tịt, do bị những thành kiến huyền thoại nham nhảm trong các cựu giáo làm cho vô minh* mà phải chịu - nếu không vì một tà kế nào trong khi bị quản thúc - kết liễu đời mình trong đen tối như vậy?! Phiên tòa xử ông Galiléo năm 1633 làm sáng tỏ một khám phá vũ trụ mà những người tin theo Kinh Thánh phải tự xét nét lại thái độ của mình trong khi các cựu giáo vẫn trung thành với một vũ trụ mật mù chẳng hạn như Phật giáo* với tam thiên đại thiên thế giới mà chúa tể là tám vị Phật Tổ và ông Di Lặc* là vị thứ 8 sẽ ngự trị vũ trụ sau đức Thích Ca (Phật Tổ thứ 7) mà cái thuyết vô minh nhất là cái lục đạo* nhận chìm cả súc sinh nạ quý* người Trời* vào hàng luân hồi*, thì thật là một thái độ chủ quan đáng trách. Trong khi đó, vũ trụ quan Cao Đài giáo* phối hợp sự khái ngộ từ Minh Sư* với sự hiện hữu Tam Thập Lục Thiên*, Tam Thiên Thế Giới*, Thất Thập Nhị Địa*, Tứ Đại Bộ châu với sự khám phá của khoa Thiên Văn học* mà quả Thiên cầu (được thiết lập với lời chỉ dẫn của Đức Cao Đài* dạy ông Bính dùng sách Thiên Văn học Tây phương là biểu tượng quả cầu tròn) được thờ phụng* nơi Bửu Điện* phần Phổ Độ* trên đó có hình Thiên Nhân* và 3072 ngôi sao gồm 3000 và 72 quả địa cầu* hiện hữu sinh vật trong vũ trụ. Thiết tưởng trình độ tân hóa của nhân loại hiện nay không thể phủ nhận một khi đã ý thức* được địa vị Nhân Thân Tiểu Thiên Địa* của mình trong Vũ trụ mà Đức Thượng Đế* tá danh* Cao Đài là Đấng Tạo Hóa không thể bị hiểu qua bất kỳ một xác thân nào đã trải qua một lần làm con người phạm tục trên thế gian này được, dù họ đã là một giáo chủ* với sứ mệnh nhứt thời đã có mà người sau tạo thành phạm giáo với đủ thứ huyền

thoại vẫn được duy trì mang tính mê hoặc tín đồ hơn là cứu độ thế gian sanh chúng mà thời Hạ nguon* đã báo trước ngày Tận thế* khi các giáo chủ cựu giáo* đã cho biết trước vậy.

• Gandhi. Mohamdas Karamchand Gandhi (1869 - 1948)

Tên danh là Mahatma* (Đại Thánh), một sứ đồ quốc gia và tôn giáo Ấn Độ, sinh trưởng trong một gia đình theo Mahavira giáo* sùng tín và chịu ảnh hưởng của Kathiawar. Ông là người nhiệt thành chủ trương hòa bình được khuyến dụ bởi sự tín thành với thuyết bất bạo động (ahimsa) của Mahavira giáo, và bởi một tinh thần cao cả công bình và giàu lòng trắc ẩn. Lòng yêu nước là tất cả những gì làm mục đích của đời ông và của các tác phẩm của ông. Ông đã là sinh viên của đại học Ahmedabad rồi là trạng sư ở Bombay. Ông lao mình vào sự nghiệp chính trị, nâng đỡ các hội đoàn Ấn Độ ở Nam Phi và tham gia vào các phong trào phục hồi nền độc lập quốc gia. Bị bắt vì hoạt động chính trị, ông tự xem mình là người kháng chiến chống quân Anh xâm lược và thường bị tù tội. Trở thành vị anh hùng* dân tộc sau những cuộc đình công vì nạn đói, ông đã bước những bước mạnh mẽ cho đảng giành độc lập. Ông cố nâng đỡ những người nghèo đói của hạng cùng đinh và muốn xóa bỏ nạn tù đầy luôn luôn là đối tượng của họ. Điều này làm cho một số người Bà La Môn* phản đối. Vì một giải đáp cho vấn đề Hồi giáo*, ông có nhiều kẻ thù. Thế nên một người Bà La Môn* đối nghịch thuộc phái Mahasabha, hội bí mật của siêu Ấn Độ giáo*, một hôm đã đâm ám sát ông, người mà đối với xứ sở là một bậc anh hùng, một vị Thánh và nhà Trưởng giáo rất được sùng tín. Ngày 30 tháng 1 năm 1948, giàn hỏa mai táng ông trên bờ sông Hằng hà*. Cuộc sống gương mẫu của ông được khắp nơi kính nể. Gandhi là một nhà hiền triết* ông còn để lại những tác phẩm chính trị và cũng đã để lại sự giáo hóa cho một số môn đồ nơi tu xá của ông với lời giảng dạy về sự đơn giản hóa cuộc sống cho mọi người. Ông không truyền giảng tôn giáo*, nhưng có sự hiểu biết về Cơ Đốc giáo* và thấm nhuần các triết học* Ấn Độ. Ông đã thực hiện sự dung hòa* rộng rãi trên nền tảng của Tân Ấn Độ giáo và cũng dành một vị trí cho đức tin* Phật giáo*.

• **Ghose. Aurobindo Ghose**
(1872 - 1950)

Cũng gọi là Sri Aurobindo, triết gia* và nhà thần bí* học Ấn Độ. Sau những năm học ở Ấn Độ và Tây phương cùng một ngành chính trị sôi động nhất liên quan đến sự độc lập quốc gia, ông từ già phần Ấn Độ thuộc Anh để đến Pondichéry (nhượng địa Ấn thuộc Pháp) và chuyên tâm tu học trong một tu viện* có thể tự quản mà ông là giáo chủ* cho đến khi từ trần. Ông thuyết giảng trong nhiều tác phẩm, kết nạp tư tưởng Ấn Độ vào cuộc sống mới, chiêm nghiệm và tìm hiểu đạo màu bằng sự tập luyện cách tự chủ lấy mình (*yoga**), Aurobindo chống lại thuyết duy vật cũng như thuyết khắc kỷ quá độ. Ông tìm hiểu lý tuyết đối* bằng thuyết duy tâm (*mental*). Ông nhìn nhận có bậc siêu nhân làm sáng tỏ ý nghĩa về hạnh phúc cho nhân loại. Bởi sự sáng suốt của Sri Aurobindo, tu viện Ashram ở Pondichéry đã và đang đóng một vai trò quan yếu trong tư tưởng hiện đại của Ấn Độ.

• **gia đình**

famille^F - family^A - 家庭 - Ông cha, bà mẹ và các con. Những nhà lý thuyết đầu tiên về gia đình, những nhà khắc kỷ thể hiện gia đình như là một tế bào thiên nhiên của xã hội. Những liên hệ này càng nhiều thì càng có khuynh hướng thả lỏng. Nhà tâm lý học cận đại đã xác nhận cái quan niệm đó: thường khi người ta có sáu đứa con trong một gia đình, bà mẹ không thể đối xử nồng hậu cùng lúc với các con và những đứa con cũng cảm thấy như thế, bị mất mát và không được yêu thương đúng mức. Bởi thế, gia đình chỉ định một tập hợp những người cùng một huyết thống cùng một chủng tộc. Nguyên lý gia đình này chi phối tất cả các tổ chức thị tộc (*clan*) như đã có ở La Mã cũng như nó còn tồn tại hiện nay trong rất nhiều xứ sở, nhất là ở Phi châu hay vùng núi Balkan. Thị tộc hay một gia đình lớn gồm một tập hợp nhiều cá nhân cùng máu mủ và sống chung trong một không gian hạn hẹp dưới quyền của một Tộc trưởng. Dù nói rộng đến đâu, gia đình cũng là một hạt nhân của xã hội. Trên quan điểm này, gia đình là khởi điểm của cuộc sống chung xã hội sau cá nhân. Không giáo* nêu ra nguyên lý "*tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*" chính là ở điểm này. Ở Tây phương, với nền văn minh* vật chất theo chủ nghĩa

cá nhân, gia đình đã không còn là nền tảng xây dựng xã hội bắt đầu từ những nhân thân trong đó, mà xã hội đã dành phần nuôi dưỡng đứa trẻ khi bắt đầu tuổi vào đời khiến cho nó mất đi sự đùm bọc của cha mẹ trong khi xã hội chỉ lo cho nó miếng ăn chứ không theo dõi được đức hạnh của nó. Cho nên xã hội Tây phương càng ngày càng thêm những tệ đoan mà nguyên nhân từ đám trẻ thiếu căn bản giáo dục mà ra. Thế giới cũng ngày càng lụn bại vì thiếu khả năng xây dựng lớp trẻ nên nhiều quốc gia cũng như tổ chức đoàn thể tôn giáo* đã kêu gọi sự phục hồi nền giáo dục căn bản từ gia đình thì mới mong có được một xã hội an bình khi các gia đình đều có con em được giáo hóa đầy đủ theo tinh thần nhơn đạo Á đông của Khổng giáo. Chính trên quan điểm này mà Đức Cao Đài* giảng thế mở Tam Kỳ Phổ Độ* đã tự xưng là Cha* vừa là Thầy* của vạn loại chúng sanh để khơi động tinh thần gia đình trong nguyên lý cứu độ sanh chúng một cách thân mật bình đẳng* trong tinh thần trật tự kỷ cương của một đại gia đình nhân loại, dù Đấng Thượng Đế* toàn tri toàn năng chủ tế cũng không dùng quyền uy mà áp chế chúng sanh như thời phong kiến đế quyền xa xưa. Thế nên, cho dù cựu giáo* hay đảng phái nào đã có mà tách rời cá nhân ra khỏi gia đình để phải nghe theo quy tắc luật lệ hay kinh điển của họ mà buộc con cái trong gia đình không thờ phụng* tổ tiên hay quên đi tôn tộc, cũng như chỉ biết tôn thờ giáo chủ* mà không còn biết truyền thống quốc gia thì công cuộc cứu thế của họ cũng chỉ giậm chân tại chỗ với số người nhẹ dạ dễ tin mà thôi, nếu không bị phá sản như thuyết đại đồng* thế giới của thiên đảng cộng sản, một trò phỉnh gạt quần chúng để thủ lợi cho một bè đảng xảo trá, khiến vũ đài nhân loại bị hạn hẹp trong tư lợi đạo đức* giả dù làn sóng văn minh vật chất đang đẩy họ lên tận mây xanh là vậy. Bản Thể Luận* cũng đã đề cập đến vai trò quan trọng gia đình trong xã hội như đã đề cập như trên.

• **giả**

faux^F - false^A - 假 - Không thật, có tính cách như thời, không phát huy được tính tốt đẹp vĩnh cửu. Tính từ này rất dễ hiểu lầm trong ngôn từ triết học* và tôn giáo*. Phần lớn các kinh sách tôn giáo đều mang hai sắc thái hoặc giả hoặc thật bao hàm trong

Đồng Tân

hai động từ có-không lẫn lộn. Chẳng thế mà các nhà sư Phật thường tụng "sắc bất dị không, không bất dị sắc..." trong kinh Bát Nhã mà cái lục đạo* đã nhận chìm Trời* xuống thế gian trong khi các Phật Tổ ngất ngưỡng với đủ huyền thoại nơi cõi ta bà này. Cũng như Lão Tử đã thuyết "Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh..." trong Đạo Đức Kinh*. Lại cũng như kinh Cựu Ước, Đấng Jehovah* chỉ cho biết "Ta là Đấng tự hữu hằng hữu" khi Ngài đến với Thiên sứ Moïse* mà người soạn kinh này đã gán cho Ngài cái tư cách phạm tục thế gian với tầm nhận định bằng ngũ quan khi tạo dựng khu vườn Eden với Adam* và Eva*... Như thế thì tính phạm hóa trong kinh điển tôn giáo không đâu là không có mà lẽ chơn giả đang lẫn lộn khó phân biệt được. Đức Cao Đài* cũng đã từng dạy: "Biết đâu trong chánh có tà, trong tà có chánh ai mà biết đâu!". Nhưng nếu chịu khó đi tìm chân lý* thì việc phân biệt chơn giả không phải khó đối với những tấm lòng vô tư cao khiết khi mà điều chơn phản ánh sự chiết trung duy nhất vĩnh cửu trong khi điều giả chỉ nhất thời hư hoại. Lẽ cố nhiên, tính chơn giả được nhận diện bằng tấm lòng - thường gọi là giác quan thứ sáu - chứ không bằng ngũ quan, với lý do rất đơn giản là ngũ quan chỉ thu nhận phần hữu hình mà rất vô hiệu với tâm linh. Cho nên một hiện tượng được gọi là phép lạ* mà ai cũng thấy thì chưa hẳn là phép lạ nếu không được nhận định bằng tâm linh. Cái thật giả ở đây phải nói là do đạo căn* của mỗi người. Một hiện tượng vô hình là thật khi chỉ có một vài người nhận rõ trong khi số còn lại không thấy gì cả. Bởi thế phần Vô Vi Cao Đài giáo* không nhìn nhận những phép lạ hay huyền diệu* có thể trông thấy được mà chỉ tin vào sự ứng ngộ trong nội tâm để phân biệt chơn giả trong việc tu học hằng ngày.

• giả thân

corps faux^F - false body^A - 假身 - Xác thân con người không thật bởi sinh ra rồi mất đi không biết bao giờ. Cuộc sống tại thế gian do đó cũng gọi là cõi giả tạm. Nhưng cái xác thân không phải hoàn toàn giả* bởi người tu luyện phải nhờ cái xác thân mới tạo nên cái sống thành đạo của tâm linh. Cho nên con người phải biết quý cái xác thân mình vì nếu thiếu đi một bộ phận hay bị mó xẻ phần nào

thì cũng không thể tu luyện được. Lẽ cố nhiên, cái quan niệm xác thân là vật ô uế mà gọi là xú bì nang* thì thật là một quan niệm sai lầm đáng trách. Đây là một định nghĩa cần cho sự tấn hóa của cá nhân và xã hội. Vì vậy nếu không tìm hiểu thấu triệt thì sự tu học sẽ chẳng đến đâu, có thể bị các huyền thoại của cựu giáo* làm cho con người lầm lẫn hoặc có thể bị các thuyết duy tâm duy vật phiến diện làm cho sai lạc đi. Nhưng một điều cần biết giả thân chỉ là một từ ngữ của những người bắt đầu xem thường cuộc sống thế gian, và cũng là người có được mức tấn hóa cần cho sự tu học của họ. Muốn xác định giá trị cơ bản của con người trong tư duy về mình thì xin tìm hiểu nghĩa chữ xác thân* sẽ rõ hơn.

• giác

illumination^F - illumination^A - 覺 - Tỉnh biết. Phật giáo* thường dùng từ này để chỉ Phật tính như Giác vương là đức Phật. Nhưng thật sự thì không phải để phát huy cái nghĩa của chữ giác bởi theo nghĩa của Nho gia thì giác có nghĩa là hiểu biết những gì chưa biết được. Nhưng Nho giáo* thì không dùng chữ giác như Phật giáo. Mặc dù ở tầm mức tiêu biểu mức độ cảm thông với vũ trụ thì đức Khổng, đức Thích Ca hay đức Lão không ai thua ai trong vũ trụ quan hay nhân sinh quan dù không in hệt. Chữ giác do đó phải được hiểu một cách sâu xa vào chiều sâu vũ trụ hơn là đứng ngoài nhìn vào không tới đâu. Lẽ cố nhiên, những hiểu biết đó phải được chứng minh bằng khoa học* vật chất trước khi đi vào khoa học tâm linh mà hiện tại đang cần, nhưng ngại vì cái văn minh* vật chất đang thịnh làm lu mờ tất cả. Dù sao thì mỗi con người có hai thành phần cấu tạo tâm linh hay linh hồn* và thể chất thì sự hiểu biết thuộc phần tâm linh khi thể xác chỉ là môi trường sinh hoạt của nó. Cho nên khi phủ nhận tâm linh nơi con người thì mọi sự hiểu biết chỉ chu tuần chung quanh mô vật chất giả hiệu mà thôi. Bởi thế Tây phương có câu: "Đem nói về sự hiện hữu của Thượng Đế* với một người không nhìn nhận có linh hồn thì chẳng khác gì đem màu sắc nói với người mù". Và như thế thì danh xưng Giác vương có thật đúng nghĩa không khi mà những huyền thoại trong kinh điển kia đã như loại bùa cám dỗ mà từ bao giờ nhân loại vẫn bị sa sầm vào sắc tướng không đâu. Lẽ cố nhiên, chính

đức Thích Ca tự ngài không hề dính dáng đến tính chủ quan độc tôn của Phật giáo với đức từ bi cố hữu của ngài, mà chỉ những huyền thoại mang tính phạm tục bất chấp độ khả thi của nó do hàng môn đệ về sau tạo ra đã làm hại đến đức độ của ngài thôi.

• giác hồn

âme animale évoluée^F - evolved animal soul^A - 覺魂 - Linh hồn* cảm thú hay thảo mộc đã tu tiến đến trình độ tiến hóa có thể đi vào thế giới loài người.

• Giác linh

Esprit de Lumière^F - Light Spirit^A - 覺輅 - Linh hồn* người chết đã giác ngộ* bởi công phu* tu học buổi sinh tiền.

• Giác ngạn

Rivage de la compréhension^F - Comprehension bank^A - 覺岸 - Bờ giác. Chỉ nơi linh hồn* người chết* giác ngộ* trở về. Phật gọi Niết bàn, Cơ Đốc gọi Thiên đàng, Cao Đài giáo* gọi là Định châu* hay Bồng lai Tiên cảnh*.

• giác ngộ

se réveiller^F - to awaken^A - 覺悟 - Tự nhiên mà biết, biết rồi tỉnh ra, phản tỉnh lại những việc làm sai trái mà hối cải, sửa chữa lại những lầm lỗi. Nói riêng về người tu đã đạt được sự hiểu biết lẽ mầu nhiệm*.

• giác thức

esprit du savoir^F - spirit of knowledge^A - 覺識 - Danh từ triết học* của Đồng Tân để chỉ khả năng tự giác* bẩm sinh hay mức độ trực giác* sẵn có nơi mọi loài mọi vật từ buổi khai nguyên để tự tìm lấy sự sống còn như trẻ sơ sinh hay thảo mộc cảm thú. Riêng đối với con người, lẽ cố nhiên với mức độ tấn hóa phải trải qua một công phu* tu luyện vô tư và thuần khiết mới có được sự giác ngộ* về sau. Với người thường là khả năng thiên phú cần cho cuộc sống của họ để nhận diện sự vật chung quanh, biết được điều tốt xấu chánh tà trong cuộc sống mà không do sự giáo dục của học đường hay xã hội lắm khi bị phạm tâm che phủ không thấu triệt được cũng như hiện trạng thế giới văn minh vật

chất ngày nay.

• giác tượng

symtôme du savoir^F - impresssion of knowledge^A - 覺象 - Ấn tượng của sự giác ngộ*. Theo Bản Thể Luận* thì giác tượng chỉ cái ấn tượng cho biết khả năng tìm ra chân lý* của một người trong mọi lãnh vực sinh hoạt xã hội không phân biệt lương hay giáo. Tuy không thể hiện rõ rệt nhưng nó chính là ranh giới giữa hoài nghi và suy tưởng hay nói tổng quát là giữa vô minh* và trực giác*. Nếu không có giác tượng thì con người chỉ dừng lại ở phần vô minh hay hoài nghi mà không bao giờ đi xa hơn được. Chính vì hiện tượng này mà những người đi tìm chân lý hoặc họ đủ tinh thần hay khả năng để khám phá những cái mới mẻ, hoặc họ chỉ lẩn quẩn trong những thành kiến xưa mà không đi vào sự khám phá nào cả vì thiếu giác tượng. Những bậc hiền triết* minh mẫn khai thông những bế tắc trong tư tưởng giới, những nhà thông thái* vượt qua được trạng thái vật chất để hình thành các kỳ công còn để lại hậu thế, cũng như những thi hào còn để lại những bài thơ bất hủ đi trước thời cuộc, các ngài đều có được một giác tượng bẩm sinh mới đủ năng lực tạo nên những thành quả tốt đẹp cho nhân loại, nhờ đó mà thế giới càng ngày càng mở mang, kiến thức nhân loại càng ngày càng bao quát và cuộc sống năm châu chung chợ, bốn bể chung nhà ngày nay mới thấy rõ trong khi các giáo phẩm chỉ giam chân tại chỗ ẽ a những cú điệu ngàn đời mà thế gian càng đi vào thời gian càng thêm u trệ bởi những thành kiến gò bó không đâu. Trong sách Lý Thuyết Tổng Hợp*, Đồng Tân đã dùng những con số mà suy diễn ra vị trí giác tượng ngay tại số 0 là ranh giới giữa số âm* và số dương*. Bởi bắt đầu từ số 0 mà con người hoặc đi vào số +1+2+3... đến vô cực dương là chân lý hoặc họ lùi dần về -1-2-3... để thấy vô cực âm là ảo tưởng*. Dù đứng về phía nào, số 0 cũng là bội số cho mức giác ngộ*, hoặc tăng cường mức vô minh nơi con người mà môn số học có thể chứng minh cho thấy rõ rệt vậy. Cho nên, số 0 tuy tự nó không có một động lực nào, nhưng khi đi đôi với các số, nó là một tăng số đáng kể, cũng như một người có được bẩm sinh giác tượng thì tự nhiên họ rất dễ dàng thành đạt trong mọi sự tìm khám phá các hiện tượng trong vũ trụ mà người thường dù lương hay giáo cũng khó ý thức được.

Đông Tân

• giải oan

expiation^F - expiation^A - 解冤 - Sự cởi bỏ điều oan uổng, những tội lỗi bị gán cho chớ thật không do nạn nhân tạo ra. Sự việc được nhận định như những thành kiến đã có buộc con người phải gánh chịu, hoặc do sự vụ không của đệ tam nhân. Sự kiện này thường do các cự giáo* cho rằng con người sinh ra trên thế gian thường đã trải qua nhiều kiếp* nên không khỏi những tội lỗi tự tạo hay vô tình đã đến với mình mà không biết, gọi chung là những oan nghiệt*, cần phải được trừ bỏ đi. Muốn thực hiện điều này thì một khi người đã chết phải cầu kinh để giải oan cho họ.

• giải thoát

délivrance^F - release^A - 解脱 - Cởi bỏ những ràng buộc quanh mình về vật chất hay tinh thần. Theo Bản Thể Luận*, thân xác con người là hình hài* Vũ trụ, là biểu đồ của cơ sinh hóa vạn vật, nhưng cũng chính là một hiện tượng trong tầm quan sát của thế giới hữu hình. Cho nên con người muốn đi vào thế giới Vô hình thì phải tìm cách tự giải thoát khỏi thế giới hiện tượng mới được. Ý nghĩa này phản ánh chữ tu nghĩa là giải thoát, nhưng không phải hoàn toàn theo lý thuyết chủ quan của các cự giáo*, mà đây là một kiến thức được thu nhập khái ngộ từ thế giới Vô hình với căn bản là một lý giải về căn nguyên sinh tồn và tấn hóa của con người khi muốn trở về với bản nguyên khởi thủy của mình mà không phải do sự cứu chuộc tội lỗi hay thoát ly khỏi bể khổ* nào cả như các cự giáo đã từng đề cập đến.

• giải thoát hương

Apaverga^P - 解脱香 - Một trong năm cây nhang cắm ở lư nhang* trên Thiên Bàn*, chỉ mức độ tinh tấn trong việc tu học của người tín hữu Cao Đài giáo*.

• giải thoát luận

discours sur la délivrance^F - liberation treatise^A - 解脱論 - Thuyết của Phật giáo* chỉ sự thoát khỏi cảnh thế nhân để tiến đến cảnh viên mãn tự tại, biệt ly để tấn hóa đến chỗ tự tại. Vấn đề được chia làm hai phần: 1- Thực chất về phương pháp giải thoát*: nguyên do của sự giải thoát là ở nơi nhận định rằng kiếp* nhân sinh nhiều khổ não. Phái Tiểu

Thừa thì tiêu cực mà Đại Thừa thì tích cực hơn về điểm này. Chung cuộc thì giải thoát là làm sao nhất trí được với thực tại. Tiểu Thừa thì cho rằng hiện tượng giới là mê vọng, manh động, cho nên lấy sự tỉnh mà tả ra cái thực tại. Đại thừa lập thuyết Chân như* Duyên khởi* và gọi rằng thành Phật là chỉ sự cùng nhất trí với Chân như. 2- Hình thức của giải thoát có hai: a- Tự lực giải thoát là lấy tự sức mình mà giải thoát cho mình bởi cho rằng ngay trong con người hữu hạn lại có bao tàng được cái tánh vô hạn, bởi trong tiểu ngã có bao tàng đại ngã (*Phật tánh*); b- Tha lực giải thoát lấy tư kỷ mà dung hợp* với thực tại, tin rằng thực tại có sức tuyệt đối, thu hút được tư kỷ ở lại, nghĩa là sau khi thân tâm ta đã chết.

• Giám đạo

Một trong 7 chức phẩm cấp thấp thuộc cơ quan Hiệp Thiên Đài* do ông Hộ Pháp Phạm công Tắc* đặt ra vào năm 1935 đối phẩm Giáo Sư Cửu Trùng Đài.

• giáng

Se manifester à la séance^F - To manifest in the seance^A - 降 - Hạ trần. Chỉ sự thị hiện của các đấng Vô hình nơi thế gian, thường xảy ra trong buổi đàn cơ*.

• giáng cơ

Se manifester à la corbeille à bec^F - To manifest to the corbeil^A - 降乩 - Chỉ sự giáng trần* của các đấng Vô hình thị hiện nơi cơ bút*, thường do sự thỉnh cầu của ban Nội tá Hiệp Thiên Đài*.

• giáng đàn

se manifester au cénacle^F - to manifest in a congregation^A - 降壇 - Trong một buổi lễ thiết đàn* theo nghi tiết đã định, có sự giáng hiện của các đấng Vô hình qua bộ phận phò loan* Hiệp Thiên Đài*.

• giáng khẩu

se manifester à la bouche^F - to manifest through the mouth^A - 降口 - Chỉ người đồng tử* khi phò cơ* phát ra lời nói. Thường có nơi các đàn* của cơ quan Phổ Thông Giáo Lý* qua nữ đồng tử Hoàng Mai - Hồng Mai.

• Giảng Ma Xử

amulette^F - amulet^A - 降魔處 - Tên lá phù do Đức Cao Đài* bảo ông Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt vẽ và giao cho ông Hộ Pháp Phạm công Tắc* cầm lần đầu tiên trong dịp thọ phong các chức phẩm lớn phần Phổ Độ*. Lá phù này về sau trở thành biểu tượng do Hộ Pháp* cầm ở tay phải trong những đại lễ cổ đại phục*, chỉ sự lấy đạo chế đời.

• giảng nhãn

se manifester à la vision^F - to manifest through the eyesight^A - 降眼 - Chỉ người đồng tử* khi phò cơ thấy hiện ra chữ trước mắt mà đọc hay viết ra.

• giảng nhĩ

se manifester à l'ouïe^F - to manifest through hearing^A - 降耳 - Chỉ người đồng tử* khi phò cơ nghe âm thanh của đấng Vô hình mà viết ra chữ.

• giảng tâm

se manifester au coeur^F - to manifest through the heart^A - 降心 - Chỉ người đồng tử* khi phò cơ được bố hóa* trong tâm tư mà viết ra. Trường hợp này Đồng Tân đã được chứng nghiệm trong thời kỳ chiến tranh Pháp Việt, khi được Vô hình chọn làm đồng tử tại cơ quan Hiệp Thiên Đài* thuộc Hội Thánh Truyền Giáo Trung bộ vào những năm 1947-1948 tại Quảng Nam với những thành quả bảo vệ nền đạo trước manh tâm tiêu diệt của cộng sản (Xin xem *Lịch sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Quyển III - Phần Phổ Độ 2: Sự truyền bá Trung Bắc Việt Nam** của tác giả Đồng Tân in năm 2007-2008).

• giảng thủ

se manifester aux mains^F - to manifest through the hands^A - 降首 - Chỉ sự Vô hình điều động nơi các tay đồng tử*. Trường hợp này thường đi đôi với giảng tâm*. Người đồng tử được bố hóa* từ trong tâm viết ra, nhưng ngọc cơ* lúc bấy giờ tự động như cái máy, dù đồng tử muốn cưỡng lại cũng không được (theo kinh nghiệm bản thân của soạn giả nơi giảng tâm*).

• giảng trần

se manifester au monde^F - to manifest to the world^A - 降塵 - Chỉ sự giảng hiện của các đấng Vô hình

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

qua bộ phận thông công Hiệp Thiên Đài* nơi thế gian.

• Giảng Đạo Chơn Ngôn

講道真言 - Tác phẩm của Giáo Sư Thái Đến Thanh biên soạn về các vấn đề đạo lý liên quan đến Cao Đài giáo* không tránh khỏi những sai lệch nơi các cựu giáo* không thích nghi với trình độ tu tiến của người tín hữu hiện nay. Sách do Hội Thánh Tây Ninh xuất bản năm 1971.

• Giảng Đạo Yếu Ngôn

講道要言 - Sách ghi những khảo luận đạo lý liên quan đến sự xuất hiện Cao Đài giáo* do tác giả Nguyễn Văn Kinh, một trong những môn đệ thời sơ khai 1927-1929.

• Giáo chủ

Fondateur d'une religion^F - Founder of a religion^A - 教主 - Nhà sáng lập ra một tôn giáo*. Theo lịch sử tôn giáo trên thế giới từ xưa nay thì vào thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, các tôn giáo dù Đa Thần, Độc Thần hay Phiếm Thần cũng đều do các Thần linh* vô hình điều động được xem như phần Thiên chủ trị nên không có giáo chủ hữu hình. Kịp đến Nhị Kỳ Phổ Độ* thì các tôn giáo do những nhân thân được bố hóa* tạo nên, như một Thích Ca với Phật giáo* ở Ấn Độ, một Lão Tử với Lão giáo*, một Khổng Tử với Nho giáo* tại Trung Hoa hay một Jésus Christ* ở Trung Đông được tôn xưng là những Giáo chủ chủ trị phần Nhân. Đến nay, với Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế*, vốn chủ trị mọi cơ cấu đạo pháp* hình thành các tôn giáo ở Nhứt và Nhị Kỳ Phổ Độ trước, đã phối hợp hai phần Thiên và Nhân để dung hợp* thành một hệ thống cứu thế thích nghi cho nhân loại vào thời Hạ nguon* mặt pháp nhưng cũng là thời cực thịnh văn minh* của nhân loại hiện nay, bởi hai nguyên lý Thiên Nhân riêng biệt không còn phù hợp với trình độ tấn hóa của nhân loại nữa: phần Thiên thì bị các hiện tượng thần thánh hóa cả loại thú cầm làm mất đi tính thiêng liêng* của nó, phần Nhân thì bị các thế lực phạm tục kế thừa tạo nên những huyền thoại làm mất đi bản tính hồn nhiên của nó, nên Đấng Thượng Đế Hóa Công tá danh* Cao Đài* đã phải tự mình giảng phạm cảm giềng mối đạo mới thích nghi với nhân sinh trên toàn cõi địa cầu* này. Do đó, ngôi

Đông Tân

Giáo chủ đã do Ngài tự đảm trách qua huyền diệu cơ bút* được sự thông công liên tục khi cần nơi cơ quan Hiệp Thiên Đài*, một diệu dụng* mà các cự giáo* đã có nhưng không được sử dụng thuần thành như hiện nay trong Cao Đài giáo* do hai phần Thiên và Nhân dung hợp nhau vậy. Và chẳng, khi nhân loại đi vào thời kỳ văn minh tinh thần thì thế giới tâm linh sẽ mở toang cánh cửa nhiệm mầu cho nhân loại không còn bị lóa mắt bởi cái vật chất nhứt thời ngày nay mà biết rõ được mình là ai và có sứ mạng* gì trong vũ trụ, lúc ấy những gì gọi là chân lý* được phơi bày trước mọi người, nên không một lý thuyết, một tôn giáo nào có thể ngăn được nhân loại đi thẳng vào chiều sâu của vũ trụ, tức là nguồn cội đạo lý muôn đời mà không một thế lực nào muốn dành quyền thụ hưởng mà được. Sự thật thì thời nào con người cũng đã biết nguồn cội của mình rồi. Nhưng tiếc thay từ xưa nay họ chỉ biết được sau khi chết mà thôi! Tuy nhiên, theo quan điểm của người hiện đại, cuộc sống nhân loại ngày nay đã không do các cự giáo mà có được nền văn minh dù vật chất nhưng cũng đã nâng cao mức sống của loài người, trong khi hàng giáo phẩm* vẫn ngồi trên đầu cổ thiên hạ mà đã làm nên được gì nếu không phải đã tạo nên những huyền thoại để ru ngủ con người bằng những phương thuốc gọi là để trị bệnh cho họ. Chính căn bệnh của con người đã bị gán cho cũng bằng huyền thoại mà không có trong thực tế kia khiến các phương thuốc ấy chỉ có nghĩa là làm cho con người thêm mê lầm mà thôi. Ấy thế, cuộc đời các giáo chủ cũng phải được tô màu huyền thoại mà không cự giáo nào không có qua hàng giáo phẩm về sau bằng đủ thứ hình tượng tô vẽ chứ các giáo chủ có tự tạo ra những huyền thoại ấy đâu? Nhưng tại sao bà Maria trong khi mang thai đã theo chồng là ông Joseph* đến Bethlêhem để khai dân số theo các sách đã nói rõ mà lại cho rằng đứa bé Jésus sinh ra trên máng cỏ là con của Chúa Trời do Thần linh bỏ vào bụng bà Maria trước đó thì câu chuyện có khác gì hoàng tử Siddartha đã từ nách(?) hoàng hậu Maya nhảy ra khi bà ta đang hái một cành hoa trong vườn thượng uyển rồi sau đó đi bảy bước miệng nói: "Thiên thượng thiên hạ duy Ngã độc tôn*". Các nhân vật nào bày ra những huyền thoại ấy không thể tìm cái sống đúng nghĩa trong thời đại này mà con người là một Nhân Thân Tiểu Thiên Địa*, hay

nói theo Cao Đài giáo là một Tiểu Linh Quang* đang làm chủ địa cầu mà các nhà Thông thái* đã khai thông sự hiểu biết cho nhân loại trong khi Thượng Đế hay Chúa Trời là khối Đại Linh Quang* đang làm chủ Vũ trụ vậy. Chân lý Vũ trụ là ở đó, có cần tạo ra những huyền thoại mê hoặc con người trong giấc ngủ mộng mị ngàn năm đâu?!

• Giáo điều

dogme^F - dogma^A - 教條 - Phần chân lý* được xây dựng thành hệ thống của một tôn giáo* truy nguyên cũng từ một nguồn đạo học* mà ra, nếu là một chánh pháp vĩnh cửu. Nói riêng, đó là quan điểm căn bản của một tín ngưỡng* theo một sự khai thị* thiêng liêng* hay bởi sự xác định của một người được khai thị mà tín đồ về sau tin theo dù đúng hay sai. Nói chung, giáo điều được thiết lập trong các kinh điển thường dùng để tham khảo cho tín hữu, hoặc để tìm hiểu những mâu thuẫn riêng về mặt luân lý, hoặc để du nhập các chủ nghĩa hay phong tục xưa cũ vào sự bất ổn của thời cận đại tiên tiến. Thế nên những nguyên tắc của Kinh Vệ Đà* trong Bà La Môn giáo*, của Kinh Thánh trong Do Thái giáo*, của Kinh Coran* trong Hồi giáo*, hiện nay thường được công bố qua một cuộc xét nghiệm mà chỉ có hội đồng các nhà thần học* mới quyết định được. Trong Cơ Đốc giáo*, các người Tin Lành thừa nhận các giáo điều Hội Thánh*, nhưng những người tự xưng là chính thống thì nhìn nhận tất cả lời kinh là thánh thiện, trong khi đó một số người khác thì chỉ muốn sự thí nghiệm tôn giáo. Giáo điều của Da Tô giáo* thì rút ra từ Kinh Thánh* những đặc biệt trong Tân Ước. Nó được diễn tả bởi những quyết định của các hội Công đồng*, những sắc lệnh của Giáo hoàng* và những tuyên ngôn của Tòa Thánh mà định nghĩa một tín ngưỡng đã thành lập sẵn rồi. Nói tổng lại thì các giáo điều thường được thành lập một lần cho ngàn đời sau nơi các tôn giáo. Những thay đổi do thời gian đem lại đôi khi do sự bàn cãi hay do những sự kiện mới, tạo nên sự chia rẽ hay phản giáo. Những người bảo thủ lúc đó dựa vào các qui điều chính thống và gọi những người khác là phản giáo. Trong Cao Đài giáo*, giáo điều được quy định trong phần Phổ Độ* là Pháp Chánh Truyền*, Tân Luật* và Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, nhưng có những vi phạm do óc độc tài của vài nhà Khai đạo

tự xưng mình là giáo chủ* như ông Phạm công Tắc* đã khuynh loát nền đạo theo phàm giáo của cá nhân ông, điều mà Đức Cao Đài* đã chỉ dạy là chỗ sai trái của các cựu giáo* tự buổi ban đầu. Chính do đó mà Tây Ninh không còn được xem là chính thống Cao Đài mà chỉ là một giáo phái của ông Tắc mà thôi.

• Giáo hoàng

Pape^F - Pope^A - 教皇 - Ngôi vị* tối cao của Da Tô giáo*, cũng gọi là Vương Giáo Trưởng (*souverain pontife*) Thánh Cha. Nổi nghiệp Thánh Pierre*, ông ngự tại Vatican và ông được bầu trong phòng kín* bởi một tập đoàn Hồng y Giáo chủ*. Quyền lực tinh thần của ông là vô hạn. Ngày xưa, quyền hành Giáo hoàng cũng là quyền đế vị tại thế, nhưng kể từ thỏa hiệp De Latran (1929) quốc gia Vatican bị giới hạn tối đa. Khi ông nói từ trên diễn đàn cao (*ex-cathedra*), Giáo hoàng rất hùng biện. Người ta gọi ông được Chúa bố hóa*(?) và ban truyền tư tưởng cho con chiên bằng những chỉ dụ và sắc lệnh. Ông nắm trọn quyền hành về phần xác lẫn hồn của con chiên do các cha cố làm hậu thuẫn, đến nỗi sự sống chết của họ cũng chỉ do Chúa định đoạt mà không một thế quyền nào xoay chuyển được. Tính cực đoan của Cơ Đốc giáo* tự nhận trên trước mọi tôn giáo* đã cho thấy ngôi Giáo hoàng không khác các vua chúa ngày xưa. Nhưng hiện tình chỉ có các con chiên còn tin tưởng vào thần quyền này, chứ ngoài ra mọi người đã không xem Giáo hoàng là một vị Thánh có đủ quyền năng về phần hồn cũng như phần xác như Kinh Thánh* rao giảng từ nghìn xưa mà không đem lại chút gì thực tế vì chính bản thân Giáo hoàng hiện nay cũng run rẩy khi bệnh hoạn, tuổi già sức yếu dù bên ngài có năm vị nữ tu* sẵn sàng hàng ngày (*theo Paris Match số 2577 ngày 15 tháng 10 năm 1998*) thì thật ra có khác gì người thường đâu.

• Giáo hội Da Tô

Église Catholique^F - Catholic Church^A - 教會耶穌 - Tiếng Pháp gọi Eglise chỉ dùng riêng cho Cơ Đốc giáo*. Nó chỉ một tập thể những người cùng tín ngưỡng* đáng Christ*, nhưng lại là Giáo hội Da Tô giáo* kết tập tại La Mã đến nỗi lịch sử của Giáo hội thật sự là lịch sử của Da Tô giáo. Giáo hội khởi đoan từ những môn đồ của đáng Christ. Họ chọn

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

những người kế vị và truyền quyền pháp cho những người đã thọ phong Giám mục, các Linh mục và các giáo sĩ* tạo thành một giáo hệ mà Giáo hoàng* người thừa tự là tột đỉnh. Hội Thánh* đầu tiên quy định giáo điều* cùng kỷ luật Hội Thánh và đã xác nhận tính chất "*thuần nhất thánh thể, truyền đạo và Da Tô tính*". Các nhà Thần học* cũng cho Giáo hội ba đặc tính: giáo hội tranh đấu, giáo hội đau khổ và giáo hội chiến thắng. Nhưng tính thuần nhất thì khó mà thực hiện được. Từ hội Công đồng* Chalcedoine (451) người ta có thể thấy các Giáo hội Đông phương* khác với các Giáo hội Tây phương, rồi sự đoạn tuyệt giữa Constantinople với La Mã năm 1051 tạo nên một bên là Giáo hội La Tinh hay La Mã và bên kia là Giáo hội Hy Lạp hay Chính Thống mà chính Giáo hội này cũng chia ra làm nhiều Giáo hội tự lập hay đơn giản khác biệt bởi ngôn ngữ và phong tục của các Giáo hội khác nhau ở Đông phương. Nhiều sự cố gắng liên hiệp đã thu gồm một vào Hội giáo sau hội Công đồng Florence năm 1439, các Hội giáo này gọi qui nhứt* (*uniates*). Tại Tây phương, vào thời Cải cách, người ta thấy có các Giáo hội quốc gia như Giáo hội Anh, hay Giáo hội Pháp* vào thế kỷ XVII. Sau đó năm 1791 là Giáo hội lập hiến của Hiến pháp dân sự cho giáo phẩm*, rồi Giáo hội tự do, cuối cùng là Tiểu Giáo hội, là sự hồi sinh các Giáo hội chia ra thành hình năm 1801, đã không nhìn nhận những cải cách của điều ước chính giáo. Nếu Giáo hội là một kiến trúc hành chánh, nó cũng còn là nơi đền thờ tập hợp tín đồ trong lễ tục nhà Chúa. Các đền thờ đầu tiên được dựng nên hay trong những đền đài La Mã xưa và đúng hơn là trong những đền đài người lương hình thon, nên chữ nhứt cuối cùng là hình bán cầu, rất thích nghi với sự đặt để bàn thờ, chánh điện và thánh ca cùng cả một đại hội. Tây phương thì trung thành với lối kiến trúc này, trong khi Đông phương thì chịu hình đồ ở giữa hình tròn hay bát giác của những đền thờ cổ biến thành cây Tháp Tự Hy Lạp, phần trên là một vòm tròn (*biểu tượng vòm trời*). Đó là kiểu mẫu bắt nguồn từ các nhà thờ Byzantin mà ảnh hưởng đến cả Tây phương vào thời Trung Cổ và còn để nhiều chứng tích, nhưng nghệ thuật La Mã có đặc điểm là vòng bán nguyệt đầy và nóc thì hình nổi, đáp ứng nhiều cho một kiểu kiến trúc tôn giáo* mà Âu châu còn giữ rất nhiều di tích quý báu. Vào thế kỷ XII, các kỹ

Đồng Tân

thuật kiến trúc cho phép xây tường cao hơn và cửa rộng hơn, người ta thấy mở ra một nghệ thuật kính đẹp để lọt một ánh sáng màu xuyên qua một tiểu tượng có tính kể chuyện, mô tả và tượng trưng. Từ đây có lối kiến trúc các giáo đường như Thánh đường Da Tô giáo* lộng lẫy đầy màu sắc. Đến thế kỷ XVII, các nhà thờ đều hướng về phương Đông, đầu của nó theo hướng thành Jérusalem*.

• Giáo Hữu

教友 - Chức sắc* Cử Trùng Đài* Cao Đài giáo*, là người có phần hành phổ thông nền đạo, làm Đầu Họ các Thánh Thất* lớn, hoặc đầu các tỉnh đạo nhỏ. Tất cả có ba ngàn Giáo Hữu chia đều cho ba phái Thái Thượng Ngọc, mỗi phái một ngàn người. Theo điều luật Hội Thánh* thì Giáo Hữu phải trường trai tuyệt dục về thường trú tại Hội Thánh và tự đặt dưới quyền của Hội Thánh đương nhiệm. Giáo Hữu có quyền kêu nài để được xin chế giám luật lệ.

• giáo lý

dogme religieux^F - religious commandments^A - 教理 - Các giáo điều* được lý giải làm tài liệu học tập cho các giáo đồ đủ loại tôn giáo* bao gồm lịch sử, triết học* hay nghi thức của tôn giáo bằng những bài thuyết giảng.

• giáo nhi

guide religieux des enfants^F - religious guide of children^A - 教兒 - Người phụ trách hướng dẫn các thiếu niên trong đạo về thực hành nghi lễ tôn giáo*.

• giáo phái

secte^F - sect^A - 教派 - Nhóm người từ một tôn giáo* tách ra làm một chi nhánh khác không hoàn toàn theo đúng tôn chỉ của tôn giáo ấy. Thường có nhiều giáo phái trong một tôn giáo do các nhà lãnh đạo bất đồng chính kiến nếu không tự họ cải đổi theo tham vọng của họ. Đối với Da Tô giáo* thì các giáo phái thường là phản thế. Nơi Tin Lành thì giáo phái vô kể với chủ trương khác biệt. Nơi người Do Thái, vào thời đức Jésus*, những người Pharisen*, Saduccéen và Essénien vẫn còn, nhưng lại cùng theo một tín điều. Trong Hồi giáo*, giáo phái bắt đầu từ phái Chiite và trong Phật giáo* bắt đầu từ phái Đại Thừa. Nói chung thì vấn đề giáo phái là sự xảy ra không tránh khỏi trong bất cứ tôn

giáo nào bởi cho dù các lời dạy của các giáo chủ* có cao siêu và thuần thành bao nhiêu thì các môn đồ về sau vốn không đủ mức độ giác ngộ nên không khỏi có người muốn suy diễn theo ý tưởng mình để dẫn dắt số người theo họ. Trong Cao Đài giáo*, mặc dù với thời gian không qua một thập niên mà đã nảy ra các phái lớn như Cầu Kho (1930), Minh Chơn Lý* (1931-1935), Tiên Thiên (1932), Minh Chơn Đạo* (1935), Tây Ninh (1938) và Bến Tre (1938). Đó là không kể các nhóm nhỏ được liệt kê như nhóm Nữ Chung Hòa* (1932), Tịch Cốc* (1934-1935), Thông Thiên đài* (1928), Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý* (?), Tam Kỳ Nguyên Nguyên Bản Bản* (?), Trung Hòa học phái* (1930). Tất cả được gọi chung là 12 chi phái*. Phần Vô Vi, Chiếu Minh Tam Thanh* đã bị liệt vào một phái theo tài liệu Tây Ninh, nhưng đức Ngô Minh Chiêu* đã tự lãnh phần bí nhiệm của Đức Cao Đài* từ Phú Quốc (1924) với lời dặn kín ngoài rồi lại kín trong của Đức Cao Đài trước khi về Sài Gòn để thành lập nền Đại Đạo*, nên không thể xem như là một phái bởi lẽ rất chính xác là tất cả những yếu lý thuộc phần bí pháp* nhiệm màu cần cho người tu kết quả Tiên Vĩ đều do đức Ngô Minh Chiêu còn truyền trong phần Vô Vi, không có trong các phái thuộc Phần Phổ Độ*, cho dù các phái này có tự tạo ra thì cũng không thể xem là tâm pháp của Đức Cao Đài được vì Chánh pháp chỉ có một không hai. Cũng nên biết rằng việc phân chia chi phái* trong Cao Đài giáo hàm ý một sự bố hóa* của Vô hình để củng cố nội bộ trước manh tâm tiêu diệt của thực dân Pháp đồ hộ đương thời, nhưng cũng là một tiềm lực cần thiết trong giai đoạn sơ khai để mở mang mỗi đạo. Những lời Thánh ngôn* năm Bính Dần - 1926 như sau:

"Bầu Tòa thơ thới trở thêm hoa,
Mấy nhánh rời sau cũng một nhà,
Chung hiệp rón vun nền đạo đức,
Bền lòng son sắt đến cùng Ta.
Cái nhánh các con là cái nhánh chính mình Thầy làm chủ. Sau các con sẽ hiểu..." (ngày 9 tháng giêng Bính Dần)

hay:

"Từ đây nòi giống chẳng chia ba,
Thầy hiệp các con lại một nhà,
Nam Bắc Trung rời ra ngoại quốc,
Chủ quyền Chơn đạo một mình Ta..." (ngày 15-9 Bính Dần)

mà lịch sử khai giáo Bắc Trung đã chứng minh. (Xin xem *Lịch sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - quyển III - Phần Phổ Độ 2: Sự truyền bá Trung Bắc Việt Nam** của Đồng Tân).

• Giáo phái Hoa Kỳ

Mormons^F - Mormons^A - 教派華岐 - Tín đồ thuộc "Giáo hội chư Thánh những ngày sau cùng" được thành lập bởi Joseph Smith*, năm 1830 trong tiểu bang New York. Tên gọi là Mormon* do quyển sách của Mormon được xem như là lời của Chúa, ngang hàng với Kinh Thánh*, và cũng là sự khải ngộ ban cho nhà sáng lập của sự hiện hữu các thẻ vàng đã được khắc từ xưa bởi những nhà tiên tri cổ. Mormon và Moroni giải nghĩa dân cư của Mỹ châu bởi nhiều bộ lạc Do Thái. Những bài giảng bí truyền được tìm hiểu làm nền tảng cho sự tổ chức theo Kinh Thánh của giáo phái* với một hình thức tổ chức trưởng xưa. Những người Mormon chủ trương đa thê ở Hoa Kỳ, nơi mà họ bị xua đuổi từ xứ này sang xứ khác, đi dân về phía Tây với sự khám phá các đất mới. Joseph Smith bị bắt giam cùng một số môn đệ mà quần chúng đến treo cổ họ tại nhà giam. Người sáng lập được xem như Thánh tử đạo*. Kế nghiệp là B. Young*, nhân danh Hội đồng 12 môn đệ dẫn dắt những người Mormon đến tận Utah, nơi đây họ lập ra thành phố Salt Lake ở bờ hồ lớn nước mặn. Xứ sở này trở nên phồn thịnh lời cuốn hút di dân và đặt dưới quyền cai trị của Liên bang Hoa Kỳ. Sau ngày nội chiến Sécession, những người Mormon lại rất mạnh trong xứ sở họ và tại thủ đô có một đền thờ rất lớn, nghi lễ rất đơn giản cho nhiều người nhưng lại rất bí mật đối với những thành viên cao cấp trong hệ thống giáo phẩm*. Chủ nghĩa chấp nhận cho hàng tín hữu sự khả thi để tiến tới Thánh vị, cả đến việc đạt được sự linh diệu, thường tiên tri và chuyên trị bệnh tinh thần. Vấn đề đa thê đã chấm dứt năm 1895. Những người Mormon luôn luôn nuôi một tham vọng cường nhiệt để truyền giảng cho cả nhân loại. Nhưng gần đây giới truyền thông quốc tế loan tin về một giáo phái kỳ lạ ở Hoa Kỳ như sau: cũng từ nguồn cội đa thê của J. Smith mà về sau còn có một giáo phái lấy tên là Fundamentalist Church of the Latter Day Saint viết tắt là FLDS, giáo chủ là Rulon Jeffs nhường ngôi cho con năm 2002 là Warren Jeffs 46 tuổi. Ông này là một tên hoang dâm có 80 vợ nhưng

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

vẫn còn bày trò dâm dục với các thiếu nữ và tạo ra những giáo điều dâm ô trong hàng ngũ tín đồ, buộc một bà vợ bất đắc dĩ có 8 đứa con phải trốn thoát vùng này. Không lâu sau đó ông ta bị truy tố và giáo chủ Warren Jeffs phải ra hầu tòa tháng 10-2007 vì tội xâm phạm tình dục trẻ vị thành niên.

• Giáo phái Nga La Tư

Secte Russienne^F - Russian Sect^A - 教派俄羅斯 - Giáo hội chính thống Nga đã tạo được cá tính của mình nhờ bởi chủng tộc, phong tục và ngôn ngữ bản xứ. Được nhận Kinh Phúc Âm* do một truyền thuyết xưa bởi môn đệ Thánh André, nước Nga cho rằng mình là một nước có đạo Chúa xưa cũ nhất thật sự, đã biết được Cơ Đốc giáo* theo các ngã phía Bắc (Normandie) và phía Nam "khi góa phụ của hoàng tử Igor là Olga" (về sau trở thành Thánh nữ Olga) theo đạo thì đã có rất nhiều người tín đồ Cơ Đốc giáo tại vùng Kiev. Nhưng chính người cháu nội Thánh Vladimir đã dựng nên sự thờ phụng* công khai với Lễ Tắm thánh* long trọng thành phố Kiev năm 988. Tuy nhiên nền đạo Chúa này lại thấm nhuần Thần Địa Mẫu (Borogoditza) trong cách thờ phụng mà ảnh hưởng xứ Byzance đã biến đổi dần. Với nhà hiền triết* Yaroslav và các người kế nghiệp, Kiev trở thành một trung tâm lễ hành Cơ Đốc giáo trong cả nước, nhưng sự tàn phá thành phố vào năm 1240 bởi quân Mông Cổ khiến hoạt động của trung tâm này bị ngưng trệ. Giáo phái* ẩn tu đã đóng vai trò tôn giáo* lớn từ thế kỷ XIV với những tu viện* ở Kiev. Nước Nga lúc bấy giờ đang chiến đấu với những kẻ thù từ phương Đông và phương Tây và xác nhận lý tưởng quốc gia với Thánh Alexandre Nevski. Trở thành tự lập năm 1448, Giáo hội Nga muốn xa dân Constantinople, và sự đánh chiếm thành phố bởi những người Thổ Nhĩ Kỳ đã đem lại quyền Tổng Chủ giáo của Moscou từ nay tự xem như là nơi kết tập di sản Byzantin. Vào năm 1509 khi tạo nên chức Tộc trưởng thành Moscou, vị Tộc trưởng đầu tiên là Philarète, thân phụ của vị vua đầu tiên triều đại Romanov. Thái độ hiếu thảo của các vị vua đầu tiên này đưa đến quyền độc tôn Vương Giáo trưởng. Đó là thời kỳ nước Nga thần thánh với nền học thuật rất cao: các đền thờ đều long lẫy, trang hoàng rực rỡ, các đền thờ dài và đẹp, luôn luôn có Thánh ca*. Cuộc sống mộ đạo của dân chúng biểu

Đông Tân

hiện trong một lễ chế vĩ đại và một nghệ thuật tôn giáo càng ngày càng lớn dần. Với quyền Tộc trưởng Nikon thì có sự tranh cãi về việc duyệt lại các Thánh kinh (*bởi nhiều thiếu sót trong sự ghi chép bằng tiếng Slavop, lại thất thoát thành từng mảnh sau những trận cháy Tatars*). Sự trở về nguồn cội Hy Lạp cũng như những cải cách dành cho những cách sử dụng không quan trọng lắm nhưng được áp dụng nghiêm khắc đã chia rẽ hàng giáo phẩm* qua nhiều thế kỷ: những người tín hữu già gọi là Raskolniki nổi lên chống lại phe cải cách, đi đến sự tử đạo để bênh vực các phong tục cũ. Những câu chuyện về giáo sĩ* Awakoum bị đày ở Tây Bá Lợi Á chứng tỏ điều đó. Họ xem Pierre le Grand như người chống Chúa khi ông này hoàn lương giáo quyền, cắt đứt thời quá khứ. Dưới các triều minh quân, trong nước Nga nhiều hội nghị, các giáo phái lại nảy nở, nhưng những thành phần trí thức lại ẩn trong các tu viện. Sau sự phục hồi Vương giáo quyền với nữ Thánh Sainte Alliance, thế kỷ thứ XIX, có sự khoan dung với các giáo phái và thực nghiệm cách mạng đã ảnh hưởng một phần đến sự thành lập quyền Tộc trưởng tại Moscou năm 1917, và phần khác đối với những trào lưu vô thần có chủ trương diệt trừ mọi cảm tình tôn giáo xã hội từ cuộc Cách mạng Sô viết. Tuy nhiên, kể từ trận thế chiến 1939-1945, một trào lưu ý thức hệ và văn hóa đã làm sống lại lòng mộ đạo của nước Nga. Tiềm lực này tiếp tục nảy nở ở đám di dân, đặc biệt tại Pháp và Hoa Kỳ. Cũng có vài nhóm qui hiệp.

• giáo phẩm

clergé^F - clergy^A - Giáo đồ của một xứ hay của một tôn giáo* đối lại với hàng lương dân. Trong Cơ Đốc giáo* từ buổi sơ khai đã có hai giai cấp con chiên: giáo phẩm và dân thường. Các giáo phẩm mau chóng chiếm độc quyền và tổ chức một hệ thống cùng chuẩn bị hàng giáo sĩ*. Họ tạo thành một giáo hội thế tục, trong khi các tu sĩ*, một khi đã được vào hàng Hội Thánh* và nhận một giới luật* của tu viện* thì trở thành hàng giáo phẩm chính thức. Đó là hàng giáo phẩm mà vào thời Trung Cổ đã tạo nên những đại học, và danh từ giáo phẩm đồng nghĩa với hàng thức giả. Tại Pháp, hàng giáo phẩm dưới chế độ cũ là một trong ba ngạch trật. Hội nghị Lập hiến tịch thu tài sản của

họ và bầu cử một chính thể dân sự cho hàng giáo phẩm, phân chia hàng giáo phẩm thành loại hữu thế và man thế (*inser-mentés*) hay bất phục tùng. Điều ước chính giáo năm 1801 đã tái lập hòa bình tôn giáo. Tình hình đã trở thành quyết liệt cho đến lúc Giáo hội

tách ly khỏi quốc gia từ 1905. Trong Da Tô giáo*, bậc Giáo trưởng là Giáo hoàng* rồi đến các Hồng y, các Giám mục, thầy dòng, cha cố, trợ tế vào hàng giáo phẩm thế tục, trong khi đó các Tu viện trưởng, các tu sĩ phát thế và những trợ tu sĩ tạo thành hàng giáo phẩm chính thức. Hội Thánh Anh giáo* thì luôn luôn theo ngạch trật của chính phủ bởi vì hàng giáo sĩ* ngự trị trong viện quý tộc. Trong Giáo hội Chính thống, các Giáo trưởng, các Giám mục, các giáo sĩ và trợ tế tạo thành giáo hội thế tục và những tu sĩ thì tạo thành giáo hội chính thức. Các Giáo hội Tin Lành có một hệ thống đơn giản hơn, thay đổi theo từng địa phận. Cộng đồng Do Thái thì có một Giáo trưởng gọi là Rabbin rồi hai ngạch Rabbin nữa. Trong Phật giáo* chỉ có một hàng giáo phẩm chính thức. Trong Ấn Độ giáo*, hàng giáo phẩm tạo thành một giai cấp Hội Thánh*, những người Bà La Môn*, nhưng cũng có một hàng giáo phẩm cấp thấp để phục vụ các đền thờ của giới hạ cấp. Hồi giáo* không có giáo phẩm. Cao Đài giáo* có 9 bậc giáo phẩm ở cơ quan Cửu Trùng Đài* gồm từ dưới lên trên Lễ Sanh*, Giáo Hữu*, Giáo Sư*, Phối Sư, Chánh Phối Sư*, Đầu Sư*, Chương Pháp* và Giáo Tông* và thấp hơn có Chánh Trị sự*. Cơ quan Hiệp Thiên Đài* thì có 3 cấp: Hộ Pháp* - Thượng Phẩm*, Thượng Sanh* và Thập nhị Thời quân* căn cứ theo Pháp Chánh Truyền*.

• giáo sĩ

prêtres^F - priest^A - 教士 - Những người có trách nhiệm truyền bá mỗi đạo trong các tôn giáo* kể từ hàng giáo phẩm* được sự ủy nhiệm của giáo hội.

• Giáo Sư

教師 - Một chức phẩm trong cơ quan Cửu Trùng Đài* có phần hành dạy dỗ tín đồ như anh em trong nhà trên đường đạo và đường đời, cầm sổ bộ của tín đồ, chăm nom việc quan hôn tang tế, thay mặt cấp trên (*Đầu Sư* và Phối Sư**) để cúng* tế Thầy* tại các địa phận đạo lớn, có quyền dâng sớ* xin chế

giảm hay cải đổi luật. Tất cả gồm 72 vị chia ra mỗi phái Thái Thượng Ngọc 24 vị.

• Giáo thiện

Chức sắc* Hội Thánh Phước Thiện* do ông Phạm công Tắc* đặt ra tại Tây Ninh, chức vị ngang hàng Lễ Sanh*.

• Giáo Tông

Ainé Temporel Caodaiste^F - Eldest Brother Caodaist, Caodaist Temporal Highest Dignitary^A - 教宗 - Phẩm vị* chức sắc* cao nhất ngành hành pháp cơ quan Cửu Trùng Đài*. Theo Pháp Chánh Truyền* thì Giáo Tông là Anh Cả* chư tín hữu Cao Đài*, có quyền thay mặt Đức Cao Đài* mà dạy dỗ họ trên đường đạo và đường đời, nhưng chỉ có quyền về phần xác chứ không có quyền về phần hồn (*phần này chỉ do Đức Cao Đài*); đặng phép thông công cùng Tam Thập Lục Thiên*, Tam Thiên Thế Giới*, Thất Thập Nhị Địa* đặng cầu rỗi cho họ. Giáo Tông được đề cử từ ba vị Đầu Sư* đương quyền nhưng phải do sự công cử của toàn thể nhơn sanh. Điều này khác với chức vị Giáo hoàng* do các Hồng y Giáo chủ* bầu trong phòng kín* nội bất xuất ngoại bất nhập. Đây là một biểu lộ tinh thần dân chủ* trong tổ chức giáo quyền Cao Đài giáo*. Bởi lẽ trong tương lai nhân loại, khi nền đại đồng* được thể hiện theo giáo thuyết Cao Đài thì nhơn loại chỉ có một vị Anh Cả chung, đó là Giáo Tông sẽ được toàn nhân loại đề cử không phân biệt màu sắc, tôn giáo* hay chủng tộc.

• giày vô ưu

chaussures en toile pour dignitaires^F - canvas shoes for dignitaries^A - Đôi giày bằng vải dùng cho chức sắc* mang theo đạo phục khi hành lễ trong các đại lễ.

• giấy tiền vàng bạc

papiers votifs^F - votive papers - ex-voto^A - Những loại giấy sớ có in hình các loại đồng tiền thời xưa, dùng cúng* trong các kỳ lễ tại gia để đãi ngộ các loại cô hồn*. Đây là một tập tục đã có từ nghìn xưa của Á Đông, phát xuất từ Trung Hoa, có thể liệt vào mê tín dị đoan*. Nhưng tập tục này bị hạn chế chỉ dùng cho các loại cô hồn không nơi nương tựa để trở ma quỷ nơi cõi Vô hình nên theo pháp

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

môn* Vô Vi đã có từ đức Ngô Minh Chiêu* thì lối đãi ngộ cô hồn này vẫn còn trong những ngày cúng cô hồn với ý nghĩa dùng ngọn lửa có kim loại (*bởi các chữ được in bằng kim loại*) trong các loại giấy này - chứ không dùng loại áo quần vải bỏ dù chỉ bằng giấy - để sưởi ấm các hồn nơi cõi âm đang lạnh lẽo, ngoài ra cũng thỏa mãn sự đòi hỏi của họ theo quan niệm của người tu Vô Vi, vốn là đối tượng đã thành tâm ngón "vô ma khảo bất thành Đại Đạo", hoàn toàn không có nghĩa dị đoan. Các lễ cúng nơi người tu Phổ Độ cũng dùng phẩm vật hoa quả thực phẩm để cúng cô hồn với bài cầu siêu* theo phép độ tử* vào các ngày rằm*, nhất là ngày rằm tháng 7 âm lịch gọi là ngày xá tội vong nhân, được xem như lễ cần có trong năm, tuyệt đối không dùng các loại y phục như đã có trong dân gian.

• gieo quẻ

jeter les sorts^F - to cast spells^A - Lối giải quyết một việc thế gian nhờ vào Thần linh*. Đây cũng là sự kiện còn dùng trong phần Vô Vi để tránh sự giải quyết theo nhơn ý.

• giới

interdits^F - interdicts^A - 戒 - Những luật lệ cấm đoán trong các tôn giáo*. Đây là giai đoạn đầu nhưng tiếp diễn đến chung cuộc cho bất cứ người tu học theo tôn giáo nào. Bởi theo thuyết Phật thì giới là điều kiện đi trước, theo đó là định* rồi mới đến huệ*. Phật giáo* chia làm rất nhiều giới, trong khi Thiên Chúa giáo* chỉ có 10 điều luật. Đối với Cao Đài giáo* việc thực thi ngũ giới* được dùng làm nền tảng cho mọi tín hữu.

• giới cấm

abstinence^F - abstinence^A - Chỉ việc ăn chay* theo luật định tùy theo sở nguyện của mỗi người nhưng không thể chế giảm hay sửa đổi được.

• Giới hương

Shila^P - 戒香 - Một trong 5 cây nhang thường thắp tại Thiên Bàn*, chỉ giai đoạn đầu tiên của sự tu học của tín hữu.

• giới luật

commandements^F - rules^A - 戒律 - Giới cấm* và

Đông Tân

luật lệ kèm theo dùng làm mẫu mực của các tôn giáo* trong việc giáo dục tín hữu.

• **Gobron. Gabriel Gobron (?)**

Một nhà báo Pháp có liên hệ báo chí cho Tòa Thánh Tây Ninh*, thời kỳ trước 1940, đã nhập môn Cao Đài giáo* qua ông Trần quang Vinh* là người tiến dẫn trong dịp công du bên Pháp năm 1930 và đã được phong chức Tiếp Dẫn Đạo Nhơn*. Ông cũng được Tòa Thánh Tây Ninh cử tham dự các đại hội Thông Linh học* và tôn giáo* quốc tế tại Âu Châu. Tác phẩm của ông là *Histoire et Philosophie du Caodaïsme** (*Lịch sử và Triết học Cao Đài giáo*) do nhà xuất bản Dervy. Nội dung do tài liệu từ phái Tây Ninh* qua ông Phạm công Tắc*, nên có phần thiên về phái này, không phản ánh trung thực Chánh pháp Cao Đài*.

• **Granth**

Cũng gọi là Granth Sahib là quyển sách thiêng tột bậc, gồm sự chọn lọc những bài tôn giáo* khác nhau tạo thành quyển Kinh Thánh của người Sikhs, tập thể tôn giáo Ấn Độ có tính cách quần chúng do Nanak* sáng lập. Nanak được tôn xưng như vị Giáo trưởng tự đề ra bởi sự cải cách tôn giáo, sự phối hợp giữa Ấn Độ giáo* và Hồi giáo* bằng cách dựa vào những thành phần có tính cách chung giữa Chúa Trời với loài người và chối bỏ - ít ra cũng về lý thuyết* Đa Thần giáo*, lễ nghi*, hệ thống giai cấp và sự thờ các hình tượng. Cuối cùng, ông tạo ra một hệ thống gần giống Đa Thần giáo Do Thái. Chủ nghĩa của ông được diễn tả bằng Thánh ca mà ông đọc giữa công chúng để xây dựng tín đồ tạo thành phần tân kỳ mà quan trọng nhất của kinh Granth. Adi Granth tân kỳ được gộp nhất bởi vị Giáo trưởng thứ 5 là Arjan (1563-1606), của Ramanaanda và của Rama Deva. Sau Arjun, kinh Granth ít bị sửa đổi, cho nên đến nửa thế kỷ thứ XVII, Gobind Singh (1666-1708), vị Giáo trưởng cuối cùng và cũng là nhà cải cách quân sự của người Sikhs, bổ khuyết bằng kinh Dasam Granth (*Granth của Giáo trưởng thứ 10*). Khi hình thức cuối cùng này đã có, Gobind Singh tuyên bố chấm dứt loạt các Giáo trưởng (*guru**) thế gian và tuyên bố kinh Granth Sahib là giáo điều* độc nhất của giáo phái* và là sự mô tả ý chí* của Thượng Đế* trên mặt đất. Phần lớn của kinh Granth được viết bằng tiếng

Hindi, ngôn ngữ Tân Ấn Độ, ảnh hưởng bởi tiếng thổ ngữ Panjabi. Bài kinh, nhất là các Thánh ca* của Nanak, có tính chất cao cả trong những hiệu quả thi từ bởi sự đơn giản các thần tượng, không nhân tạo và bởi một cảm giác hùng mạnh do lối hành văn nguyên thủy tạo nên.

• **Guru**

*Guru** - Danh từ thường gọi các Giáo trưởng tại Ấn Độ. Guru nguyên nghĩa là ông già (*tiếng Phạn*) ông cha tinh thần tại Ấn Độ, vị Giáo trưởng cũng có thể là một nhà Thần học*, một triết gia*, một nhà Thần bí* hay một lãnh đạo tu luyện. Môn đồ thường sống gần ông hay đến các lễ cầu nguyện* do ông làm chủ lễ và tiếp nhận một ít ánh sáng tinh thần và lòng bác ái của ông. Tại Pakistan có một Guru, ông Pir vốn là một Giáo trưởng thần bí, có chiều hướng Soufis thuyết*. Các Guru này chỉ có tại Ấn Độ, nhất là Ấn Độ mà người dân tôn sùng bên cạnh dòng Hằng Hà* với niềm tin có thể xem như cuồng tín* đã có tự ngàn xưa.